

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1348/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc T, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

- Bị đơn: Anh Hà Quốc C, sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 24 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T trình bày: chị và anh Hà Quốc C chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung trong công việc và cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh C đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh Hà Quốc C.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh C không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hà Quốc C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án : Anh và chị T không có phát sinh mâu thuẫn lớn, cuộc sống vợ chồng có lời qua tiếng lại vài câu, anh buồn nên về nhà anh sống từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Không có. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lâm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hà Quốc C; anh C hiện cư trú tại ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2007 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị T cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng phát sinh gây gổ nên anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Anh C cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nhưng anh xác nhận cuộc sống vợ chồng có lời qua tiếng lại và đã ly thân từ tháng 12 năm 2019. Từ khi sống ly thân đến nay, anh C không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh C nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải (ngày 04/3/2020) đến nay, anh chị vẫn chưa giải quyết được

những mâu thuẫn phát sinh, anh C cũng không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, cho thấy dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh C thống nhất trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh C thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị T và anh C thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Ngọc T đối với anh Hà Quốc C về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Hà Quốc C.

2. Về án phí: Chị Lâm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004378 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã T;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hải An

